

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 227/TTg-V.III

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2015

V/v trả lời chất vấn của Đại biểu
Võ Kim Cự, Đoàn ĐBQH
tỉnh Hà Tĩnh

Kính gửi:

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....S..... Ngày:..12/02..

- Đại biểu Quốc hội Võ Kim Cự;
- Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội.

Thủ tướng Chính phủ nhận được chất vấn của Đại biểu Quốc hội Võ Kim Cự, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG CHẤT VẤN

Câu 1: Vừa qua dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao Nghị quyết số 19 của Chính phủ và sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng trong việc cải thiện môi trường kinh doanh. Năm 2014, nhiều tổ chức quốc tế có những đánh giá tích cực về Việt Nam. Tuy nhiên, môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nước ta vẫn thấp so với các nước trong khu vực. Xin Thủ tướng cho biết Chính phủ sẽ có những giải pháp gì để nâng cao sức cạnh tranh.

Câu 2: Năng suất lao động là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá trình độ phát triển của nền kinh tế và năng lực cạnh tranh của quốc gia. Nhưng thực tế hiện nay năng suất lao động của nước ta còn rất thấp và theo đánh giá của tổ chức lao động quốc tế thì thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực. Đề nghị Thủ tướng làm rõ thêm tình hình nguyên nhân và các giải pháp khắc phục của Chính phủ trong thời gian tới.

TRẢ LỜI

Về chất vấn này, Thủ tướng Chính phủ xin trình bày như sau:

Câu 1: Thời gian qua, môi trường đầu tư kinh doanh nước ta còn nhiều hạn chế, cải thiện còn chậm, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh.

Để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, Chính phủ đã ban hành và chỉ đạo thực hiện quyết liệt Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực về thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, cấp phép xây dựng, đất đai, thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp, thủ tục đầu tư, tiếp cận điện năng...

Đã ban hành và sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản pháp quy nhằm đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính về thuế và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Ngay trong năm 2014, đưa số doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế điện tử từ 65% lên 95%; thời gian nộp thuế của doanh nghiệp giảm được 290 giờ, từ 537 giờ/năm xuống còn 247 giờ/năm. Khi Quốc hội thông qua Luật sửa đổi một số điều của các Luật Thuế có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, sẽ giảm thêm được 80 giờ, từ 247 giờ/năm xuống còn 167 giờ/năm (thấp hơn mức bình quân 171 giờ/năm của ASEAN-6).

Đã rà soát, đơn giản hóa quy trình thủ tục và chính thức triển khai Cơ chế một cửa quốc gia tại cảng biển quốc tế, phần đầu năm 2015 thời gian thông quan hàng hóa giảm bình quân từ 21 ngày xuống còn 14 ngày đối với xuất khẩu, 13 ngày đối với nhập khẩu. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, riêng việc áp dụng Cơ chế một cửa hải quan quốc gia giảm được 10 - 20% chi phí và 30% thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp.

Đã rút gọn quy trình nộp bảo hiểm xã hội, thành lập, giải thể doanh nghiệp và tiếp cận điện năng. Thời gian nộp bảo hiểm xã hội giảm được 100 giờ, từ 335 giờ/năm xuống còn 235 giờ/năm. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính về thành lập, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp giảm 50%, riêng thời gian thành lập doanh nghiệp giảm từ 34 ngày xuống còn 17 ngày. Thời gian tiếp cận điện năng của doanh nghiệp giảm từ 115 ngày xuống còn 70 ngày.

Theo Báo cáo cập nhật về Môi trường kinh doanh công bố tháng 10/2014 của Ngân hàng Thế giới (số liệu tính đến tháng 6/2014), xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 21 bậc, từ 99 lên 78/189. Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu công bố tháng 9/2014 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, chỉ số năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 2 bậc, từ 70 lên 68/148 nền kinh tế. Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đã nâng mức xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam (Moody's nâng từ mức B2 lên B1, Fitch nâng từ B+ lên BB- và đều đánh giá với triển vọng ổn định).

Tuy nhiên, môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nước ta so với các nước trong khu vực còn thấp. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) về năng lực cạnh tranh: Singapore xếp thứ 02, Malaysia thứ 20, Thái Lan thứ 31, Indonesia thứ 34, Philippines thứ 52, Việt Nam thứ 68. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới về môi trường kinh doanh: Singapore xếp thứ 01, Malaysia thứ 18, Thái Lan thứ 26, Việt Nam thứ 78, Philippines thứ 95, Indonesia thứ 114.

Mặc dù chúng ta đã có nhiều nỗ lực, nhưng trong thể chế luật pháp, cơ chế chính sách, thủ tục hành chính, thực thi công vụ... vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc, gây khó khăn, phiền hà, tốn kém thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người dân. Một số Bộ ngành, địa phương chưa quan tâm đúng mức, chưa coi việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ cấp thiết. Chính phủ sẽ tiếp tục chỉ đạo cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp

chủ yếu sau:

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và chủ động đẩy mạnh hội nhập quốc tế. rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, cơ chế chính sách, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch cho doanh nghiệp và người dân.

2. Thực hiện hiệu quả các đột phá chiến lược, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế.

3. Vận hành đồng bộ, thông suốt các loại thị trường, nhất là các thị trường hàng hóa, lao động, tài chính, bất động sản, khoa học công nghệ. Thực hiện phân bổ nguồn lực và quản lý giá theo cơ chế thị trường.

4. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và đề cao trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Tiếp tục giảm mạnh thời gian, chi phí và bảo đảm công khai minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính về thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, đất đai, xây dựng, thành lập, giải thể, phá sản doanh nghiệp, thủ tục đầu tư, tiếp cận điện năng, đổi mới công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm... Chính phủ xem đây là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong quản lý điều hành.

Phấn đấu năm 2015 các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh của nước ta đạt và vượt mức trung bình của các nước ASEAN-6; trong đó rút ngắn thời gian nộp thuế còn 121,5 giờ/năm, số doanh nghiệp kê khai thuế điện tử đạt trên 95%; tiếp tục giảm mạnh thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu ngang bằng với các nước ASEAN-6, bảo đảm Hải quan Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn hải quan hiện đại; thời gian nộp bảo hiểm xã hội còn 49,5 giờ/năm; thời gian thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp còn tối đa 6 ngày; thời gian tiếp cận điện năng còn 18 ngày. Phấn đấu giảm thời gian thực hiện thủ tục phá sản doanh nghiệp từ 60 tháng hiện nay còn tối đa 30 tháng.

Câu 2: Năng suất lao động là chỉ tiêu quan trọng đánh giá trình độ phát triển của nền kinh tế. Năng suất lao động phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có 3 yếu tố chính là cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành, trình độ công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), năng suất lao động được tính bằng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) chia cho tổng số lao động làm việc trong nền kinh tế.

Theo Báo cáo công bố ngày 19 tháng 8 năm 2014 của ILO và ADB về năng suất lao động của ASEAN, năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2013 đã có bước thu hẹp khoảng cách với các nước trong khu vực. Năm 2007 năng suất lao động của các nước ASEAN gấp 2,12 lần so với Việt Nam (9.173 USD/4.322 USD tính theo sức mua tương đương - PPP), đến năm 2013 khoảng cách này đã thu hẹp còn 1,98 lần (10.812 USD/5.440 USD). Trong đó, so với Singapore giảm từ 21,3 lần xuống còn 18; so với Thái Lan từ 3 lần xuống còn 2,7; so với Philippines từ 2 lần xuống còn 1,8.

Báo cáo nêu trên cho thấy năng suất lao động của Việt Nam tuy có bước cải thiện nhưng vẫn còn rất thấp trong ASEAN. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân. Trong cơ cấu kinh tế, ngành nông nghiệp có tốc độ tăng giá trị gia tăng thấp so với công nghiệp, dịch vụ và chỉ chiếm tỷ trọng 18,4% trong GDP (năm 2013) nhưng lại sử dụng đến 47% tổng lao động xã hội (tỷ lệ này ở Thái Lan là 39%, Indonesia 35%, Trung Quốc 34%, Philippines 32%, Malaysia 11%, Hàn Quốc 6,5%, Singapore 1%).

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ của nước ta khoảng 18,2%, trong khi lao động qua đào tạo có chứng chỉ của Singapore là 61,5%, Hàn Quốc là 62%. Nếu tính cả số đào tạo dưới 3 tháng của nước ta là 49% năm 2013 so với Malaysia là 62%, Philippines 67%. Kỹ năng của người lao động trực tiếp nước ta nhìn chung không kém lao động các nước nhưng còn hạn chế về kỹ thuật lao động; đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật được đào tạo cơ bản, có trình độ cao còn thiếu; năng lực quản trị doanh nghiệp còn yếu.

Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới toàn cầu (GII) năm 2014 của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), chỉ số đổi mới công nghệ nước ta đứng thứ 71/143 nền kinh tế, tăng 5 bậc và đứng thứ 4 trong ASEAN, tăng 1 bậc so với năm 2013. Tuy nhiên việc nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ ở nước ta còn nhiều hạn chế. Trình độ cơ khí hóa, tự động hóa, tin học hóa của các ngành kinh tế còn thấp. Theo điều tra doanh nghiệp năm 2012, khoảng 57% doanh nghiệp chế biến, chế tạo có công nghệ thấp, 31% có công nghệ trung bình, 12% có công nghệ cao. Đầu tư xã hội cho đổi mới nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ của nước ta còn thấp so với nhiều nước trong khu vực. Trong giai đoạn 2011 - 2013, tỷ trọng đầu tư cho khoa học công nghệ so với GDP chỉ khoảng 0,4%. Đầu tư cho nghiên cứu khoa học trên 1 người dân ở nước ta năm 2012 là 3,1 USD trong khi của Thái Lan là 22 USD, Malaysia là 86 USD và của Singapore là 1.340 USD.

Ngoài ra còn có một số yếu tố khác ảnh hưởng đến năng suất lao động như sản xuất công nghiệp theo phương thức gia công là chủ yếu, công nghiệp hỗ trợ còn kém phát triển. Sản xuất nông nghiệp phần lớn là bán nguyên liệu và xuất khẩu thô. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Thể chế kinh tế thị trường chưa hoàn thiện, chưa huy động và sử dụng hiệu quả cao các nguồn lực. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước còn thấp. Mặt khác, theo cách tính của ILO, tỷ lệ thất nghiệp của nước ta thấp (1,84% vào quý II năm 2014) nên số người được coi là làm việc trong nền kinh tế để tính năng suất lao động là lớn hơn thực tế.

Để nâng cao năng suất lao động, phải thực hiện hiệu quả các đột phá chiến lược, đẩy mạnh tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển hài hòa giữa các ngành, vùng, khuyến khích mạnh các ngành kinh tế có công nghệ, giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và bảo đảm tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trong nước (GDP). Thời gian tới, Chính phủ sẽ thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ cả cấp thiết trước mắt cũng như cơ bản lâu dài.

Trong đó tập trung vào các giải pháp sau:

1. Đẩy nhanh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Có cơ chế chính sách khuyến khích ứng dụng mạnh khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và phát triển mạnh công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Tăng nhanh các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao. Thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn để chuyển nhanh lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ và thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp. Phát triển các hình thức hợp tác liên kết đa dạng, phù hợp, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

2. Hiện đại hóa công nghệ, đẩy mạnh cơ khí hóa, tự động hóa, tin học hóa trong các doanh nghiệp. Giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Phát triển nhanh công nghiệp hỗ trợ.

3. Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, nhất là hạ tầng giao thông đồng bộ cả đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường sông.

4. Phát triển mạnh và toàn diện nguồn nhân lực. Triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương về giáo dục và đào tạo. Chú trọng chất lượng đào tạo đại học, nhất là đào tạo quản trị theo các chương trình quốc tế. Đẩy nhanh đào tạo nghề chất lượng cao. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề theo cơ chế thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp tự đào tạo nghề cho người lao động và hợp tác với cơ sở đào tạo nghề. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn nhân lực và kỷ luật lao động.

5. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương và Chiến lược phát triển khoa học công nghệ. Thực hiện hiệu quả các chương trình quốc gia về đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao và sản phẩm quốc gia. Thực hiện hiệu quả việc bảo hộ sở hữu trí tuệ. Có chính sách thuế, tín dụng ưu đãi để khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sử dụng công nghệ cao và nghiên cứu phát triển. Thu hút mạnh các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

6. Thực hiện nhất quán cơ chế thị trường trong phân bổ, sử dụng nguồn lực, nhất là vốn, lao động, tài nguyên, đất đai, khoáng sản, rừng... Đẩy nhanh tái cơ cấu để nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh kinh tế tư nhân.

7. Chủ động hội nhập quốc tế, tập trung khai thác hiệu quả các Hiệp định, cam kết thương mại đã có và tích cực đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực về vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý... từ bên ngoài, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nêu trên, đặc biệt là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển mạnh kinh

tế tư nhân - coi đây là động lực là giải pháp chủ yếu - đề khẩn trương cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, phát triển nhanh và bền vững, thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực.

Xin trân trọng cảm ơn Đại biểu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPQH: Vụ Công tác đại biểu, Vụ Phục vụ hoạt động giám sát;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg CP, TGD Công TTĐT, các Vụ: TKBT, KTTH, KGVX;
- Lưu: VT, V.III(3b). *Huyền 52*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc